VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020

Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2011, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2014.

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới và Quyết định số 342/QĐ-TT ngày 20 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Liên bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, như sau[1]:

---

[1] Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2014, có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ;*

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới và Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Liên bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC".

Chương 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này hướng dẫn các nội dung về quản lý, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 trên địa bàn tất cả các xã trong toàn quốc; quy trình, thủ tục về lập kế hoạch, quản lý ngân sách, cấp phát, thanh quyết toán vốn hỗ trợ, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 (gọi tắt là Chương trình xây dựng NTM).

2. Đối tượng áp dụng: Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thực hiện các hoạt động của Chương trình xây dựng NTM.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1[2]. Các nội dung, hoạt động của Chương trình xây dựng nông thôn mới phải hướng tới mục tiêu thực hiện 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới ban hành tại Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

2. Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư địa phương là chính, Nhà nước đóng vai trò định hướng, ban hành các tiêu chí, quy chuẩn, chính sách, cơ chế hỗ trợ, đào tạo cán bộ và hướng dẫn thực hiện. Các hoạt động cụ thể do chính cộng đồng người dân ở thôn, xã bàn bạc dân chủ để quyết định và tổ chức thực hiện.

3. Kế thừa và lồng ghép chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn nông thôn.

4. Thực hiện Chương trình xây dựng NTM phải gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, có quy hoạch và cơ chế đảm bảo thực hiện các quy hoạch xây dựng NTM đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Công khai, minh bạch về quản lý, sử dụng các nguồn lực; tăng cường phân cấp, trao quyền cho cấp xã quản lý và tổ chức thực hiện các công trình, dự án của Chương trình xây dựng NTM; phát huy vai trò làm chủ của người dân và cộng đồng,

---

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1, Điều 1 Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2014

thực hiện dân chủ cơ sở trong quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá.

6. Xây dựng NTM là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; cấp ủy đảng, chính quyền đóng vai trò chỉ đạo, điều hành quá trình xây dựng quy hoạch, đề án, kế hoạch và tổ chức thực hiện. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, xã hội vận động mọi tầng lớp nhân dân phát huy vai trò chủ thể trong xây dựng NTM.

Chương 2
TỔ CHỨC TRIỂN KHAI CÁC NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Điều 3. Các bước xây dựng nông thôn mới

- Bước 1: Thành lập hệ thống quản lý, thực hiện

- Bước 2: Tổ chức thông tin, tuyên truyền về thực hiện Chương trình xây dựng NTM (được thực hiện trong suốt quá trình triển khai thực hiện)

- Bước 3: Khảo sát đánh giá thực trạng nông thôn theo 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia NTM

- Bước 4: Xây dựng quy hoạch NTM của xã

- Bước 5: Lập, phê duyệt đề án xây dựng NTM của xã

- Bước 6: Tổ chức thực hiện đề án

- Bước 7: Giám sát, đánh giá và báo cáo về tình hình thực hiện Chương trình.

Điều 4. Hệ thống quản lý, thực hiện Chương trình

1. Cấp xã, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM của tỉnh, thành phố (gọi chung là Ban Chỉ đạo tỉnh):

a) Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh - Trưởng Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh làm Trưởng ban, Phó Trưởng ban thường trực là Phó Chủ tịch UBND tỉnh và 01 Phó Trưởng ban là Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các thành viên Ban Chỉ đạo là lãnh đạo các sở, ban ngành liên quan. Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh gồm Trưởng ban, các phó trưởng ban và 3 ủy viên là đại diện lãnh đạo các Sở: Xây dựng, Kế hoạch - Đầu tư, Tài chính;

Ban Chỉ đạo tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, quản lý, điều hành việc thực hiện các nội dung của Chương trình xây dựng NTM trên phạm vi địa bàn.

b) Ban Chỉ đạo tỉnh thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM đặt tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Ban Chỉ đạo tỉnh thực hiện Chương trình trên địa bàn. Số lượng cán bộ của Văn phòng Điều phối do Trưởng Ban chỉ đạo tỉnh quyết định, trong đó có cán bộ hoạt động chuyên trách,

chủ yếu là cán bộ Chi cục Phát triển nông thôn và cán bộ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm là cán bộ cấp phòng của các Sở, Ngành liên quan cử đến. Chánh Văn phòng Điều phối là Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phó Chánh văn phòng Điều phối nên do Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn đảm nhiệm.

2. Cấp huyện, thị xã thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM của huyện, thị xã (gọi chung là Ban Chỉ đạo huyện).

a) Ban Chỉ đạo huyện do Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban; Phó Chủ tịch UBND huyện là Phó Trưởng ban. Thành viên gồm lãnh đạo các phòng, ban có liên quan của huyện;

Ban Chỉ đạo huyện có trách nhiệm chỉ đạo, quản lý, điều hành việc thực hiện các nội dung của Chương trình NTM trên phạm vi địa bàn:

- Hướng dẫn, hỗ trợ xã rà soát, đánh giá thực trạng nông thôn; tổng hợp chung báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh;

- Hướng dẫn, hỗ trợ xã xây dựng đề án xây dựng NTM; giúp UBND huyện tổ chức thẩm định và phê duyệt đề án theo đề nghị của UBND xã.

- Giúp UBND huyện quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật (KTKT) các công trình được ngân sách nhà nước hỗ trợ trên 03 (ba) tỷ đồng trong tổng giá trị của công trình;

- Tổng hợp kế hoạch thực hiện các nội dung của Chương trình xây dựng NTM trên địa bàn hàng năm và 5 năm báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh.

b) Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế) là cơ quan thường trực điều phối, giúp Ban Chỉ đạo huyện thực hiện Chương trình xây dựng NTM trên địa bàn.

3. Cấp xã:

a)[3] Căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định và hướng dẫn cụ thể việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới ở xã để lãnh đạo toàn hệ thống chính trị cơ sở và toàn dân triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

b) Thành lập Ban quản lý xây dựng NTM xã (sau đây gọi tắt là Ban quản lý xã) do Ủy ban nhân dân xã quyết định thành lập. Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban;

---

[3] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2, Điều 1 Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2014

Phó Chủ tịch UBND xã là Phó Trưởng ban. Thành viên là một số công chức xã, đại diện một số ban, ngành, đoàn thể chính trị xã và trưởng thôn. Thành viên Ban quản lý xã chủ yếu hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

- Ban quản lý xã trực thuộc UBND xã, có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản và sử dụng con dấu của UBND xã trong hoạt động giao dịch với các tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.

- Ban quản lý xã có các nhiệm vụ và quyền hạn chủ yếu sau đây:

+ Ban quản lý xã là chủ đầu tư các dự án, nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã. UBND tỉnh và UBND huyện có trách nhiệm hướng dẫn và tăng cường cán bộ chuyên môn giúp các Ban quản lý xã thực hiện nhiệm vụ được giao.

+ Tổ chức xây dựng quy hoạch, đề án, kế hoạch tổng thể và kế hoạch đầu tư hàng năm xây dựng NTM của xã, lấy ý kiến các cộng đồng dân cư trong toàn xã và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Tổ chức và tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện, giám sát các hoạt động thực thi các dự án đầu tư trên địa bàn xã.

+ Quản lý và triển khai thực hiện các dự án, nội dung bao gồm việc thực hiện các bước từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, nghiệm thu bàn giao và đưa dự án vào khai thác, sử dụng.

+ Được ký các hợp đồng kinh tế với các đơn vị có tư cách pháp nhân, cộng đồng hoặc cá nhân cung cấp các hàng hóa, xây lắp và dịch vụ để thực hiện các công trình, dự án đầu tư.

Trong trường hợp, đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn mà Ban quản lý xã không đủ năng lực và không nhận làm chủ đầu tư, UBND xã có thể thuê một đơn vị/tổ chức có đủ năng lực quản lý để hỗ trợ hoặc chuyển cho UBND huyện làm chủ đầu tư, có sự tham gia của lãnh đạo Ban quản lý xã. Việc thuê đơn vị/tổ chức có đủ năng lực thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Cấp thôn, bản, ấp (gọi chung là thôn): Thành lập Ban phát triển thôn, thành viên là những người có uy tín, trách nhiệm và năng lực tổ chức triển khai do cộng đồng thôn trực tiếp bầu và Chủ tịch UBND xã có quyết định công nhận (gồm người đại diện lãnh đạo thôn, đại diện các đoàn thể chính trị và hội ở thôn và một số người có năng lực chuyên môn khác liên quan đến xây dựng NTM).

Ban phát triển thôn có các nhiệm vụ và quyền hạn chủ yếu sau đây:

a) Tổ chức họp dân để tuyên truyền, phổ biến cho người dân hiểu rõ về chủ trương, cơ chế chính sách, phương pháp; các quyền lợi và nghĩa vụ của người dân, cộng đồng thôn trong quá trình xây dựng NTM. Triệu tập các cuộc họp, tập huấn đối với người dân theo đề nghị của các cơ quan tư vấn, tổ chức hỗ trợ nâng cao năng lực của người dân và cộng đồng về phát triển nông thôn;

b) Tổ chức lấy ý kiến của người dân trong thôn tham gia góp ý vào bản quy hoạch, bản đề án xây dựng NTM chung của xã theo yêu cầu của Ban quản lý xã;

c) Tổ chức xây dựng các công trình hạ tầng do Ban quản lý xã giao nằm trên địa bàn thôn (đường giao thông, đường điện liên xóm, liên gia; xây dựng trường mầm non, nhà văn hóa thôn);

d) Tổ chức vận động nhân dân tham gia phong trào thi đua giữa các xóm, các hộ tập trung cải tạo ao, vườn, chỉnh trang cổng ngõ, tường rào để có cảnh quan đẹp. Tổ chức hướng dẫn và quản lý vệ sinh môi trường trong thôn; cải tạo hệ thống tiêu, thoát nước; cải tạo, khôi phục các ao hồ sinh thái; trồng cây xanh nơi công cộng, xử lý rác thải;

e) Tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao, chống các hủ tục lạc hậu, xây dựng nếp sống văn hóa trong phạm vi thôn và tham gia các phong trào thi đua do xã phát động;

g) Tổ chức các hoạt động hỗ trợ các hộ nghèo và giúp đỡ nhau phát triển kinh tế tăng thu nhập, giảm nghèo;

h) Tự giám sát cộng đồng các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn thôn. Thành lập các nhóm quản lý, vận hành và duy tu, bảo dưỡng các công trình sau khi nghiệm thu bàn giao;

i) Đảm bảo an ninh, trật tự thôn xóm; Xây dựng và tổ chức thực hiện hương ước, nội quy phát triển thôn.

Điều 5. Thông tin, tuyên truyền

1. Ban chỉ đạo các cấp tổ chức tuyên truyền, học tập nghiên cứu các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, xây dựng chuyên mục về xây dựng NTM trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương trong suốt quá trình thực hiện Chương trình xây dựng NTM.

2. Thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" gắn với xây dựng NTM theo hướng dẫn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 6. Khảo sát, đánh giá thực trạng nông thôn

1. Mục đích: Làm cơ sở cho việc xây dựng nội dung, kế hoạch thực hiện đề án nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia NTM.

2. Yêu cầu và tổ chức thực hiện:

a) Thành lập tổ khảo sát đánh giá: Thành phần gồm đại diện lãnh đạo UBND xã, cán bộ chuyên môn, đại diện một số thôn trong xã; mỗi thôn thành lập nhóm khảo sát (khoảng 5 - 6 người) để hỗ trợ cho tổ khảo sát xã thực hiện nhiệm vụ khảo sát, đánh giá thực trạng tại thôn đó;

b) Tổ chức nghiên cứu các văn bản hướng dẫn về đánh giá thực trạng nông thôn, lập kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ của tổ khảo sát đánh giá;

c) Tiến hành đánh giá thực trạng: Tổ khảo sát phối hợp với các nhóm ở các thôn, bản tiến hành đo đạc, ước tính hoặc tính toán từng nội dung các tiêu chí;

d) Tổng hợp kết quả và xác định rõ thực trạng của xã so với yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia NTM như: Số tiêu chí đạt, mức đạt; những tiêu chí chưa đạt, mức đạt cụ thể từng chỉ tiêu của tiêu chí.

3. Ban chỉ đạo tỉnh, huyện chịu trách nhiệm tổng hợp, công bố các tiêu chuẩn, quy chuẩn đánh giá thực trạng nông thôn theo Bộ tiêu chí quốc gia NTM của Trung ương và địa phương; hướng dẫn, hỗ trợ các xã trong quá trình thực hiện nhiệm vụ rà soát, đánh giá thực trạng nông thôn.

4. Sản phẩm: Báo cáo thực trạng nông thôn của xã *(nội dung, mẫu biểu tham khảo sổ tay hướng dẫn xây dựng NTM của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).*

Điều 7. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã[4]

1. Quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của liên bộ: Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

- Đồ án quy hoạch nông thôn mới phải tuân thủ các đồ án quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt (quy hoạch vùng huyện, vùng tỉnh, quy hoạch chung đô thị …).

- Đối với những xã đã có quy hoạch đáp ứng các tiêu chí về xây dựng xã nông thôn mới thì không phải phê duyệt lại; đối với những xã đã và đang lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011 - 2020 cần phải rà soát, bổ sung để phù hợp với việc lập quy hoạch theo Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của liên bộ: Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

- Quy hoạch nông thôn mới được duyệt là cơ sở để lập dự án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

---

[4] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 3, Điều 1 Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2014

2. Kinh phí quy hoạch do Ngân sách nhà nước cấp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên cơ sở mức hỗ trợ từ Ngân sách Trung ương, có trách nhiệm chủ động chỉ đạo lập kế hoạch kinh phí quy hoạch; quy định mức kinh phí quy hoạch cho cấp xã phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh và bố trí kinh phí bổ sung (nếu có) để thực hiện; chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Kho bạc nhà nước tỉnh hướng dẫn thanh quyết toán kinh phí lập quy hoạch theo tình hình thực tế của địa phương trên cơ sở các văn bản hướng dẫn (và sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có) của các Bộ, ngành.

Điều 8. Lập, thẩm định và phê duyệt đề án xây dựng NTM của xã

1. Đề án xây dựng NTM của xã phải thể hiện được các nội dung cơ bản sau:

a) Kết quả khảo sát đánh giá thực trạng nông thôn theo 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia NTM, quy hoạch NTM của xã,...;

b) Mục tiêu đề án: Đạt được các tiêu chí quốc gia của xã NTM;

c) Danh mục các công trình, dự án nhằm đạt được từng tiêu chí quốc gia xã NTM, thứ tự ưu tiên thực hiện. Các công trình, dự án trong đề án phải nằm trong khuôn khổ các nội dung xây dựng NTM nêu trong Quyết định số 800/QĐ-TTg và thực hiện theo các thông tư, văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành theo phân công của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 800/QĐ-TTg và các văn bản hướng dẫn cụ thể của địa phương;

d)[5] Tổng dự toán ngân sách thực hiện đề án, trong đó làm rõ nhu cầu vốn từ các nguồn cho từng công trình, dự án được lập theo quy định trong Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp.

---

[5] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 4, Điều 1 Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2014

e) Kế hoạch tổng thể và lộ trình thực hiện đề án (xác định cho từng công trình, dự án và nhu cầu vốn theo từng nguồn):

- Trong kế hoạch cần phân rõ loại công việc do xã tổ chức quản lý; loại công trình, công việc giao cho thôn; loại công việc giao cho hộ tự lo; loại công việc giao cho các đoàn thể chính trị xã hội, các hội nghề nghiệp đảm nhận.

- Làm rõ các công việc cần kêu gọi đầu tư của tư nhân, doanh nghiệp hoặc kêu gọi tài trợ bên ngoài.

- Kế hoạch của xã phải phù hợp quy hoạch, kế hoạch chung của huyện, khả năng của xã và được cộng đồng người dân trong xã tham gia ý kiến (có ít nhất 80% số hộ dân đồng thuận).

g) Các giải pháp thực hiện đề án: Các giải pháp về vốn, về nguồn nhân lực, về kỹ thuật, về bảo vệ môi trường...

2. Đề án xây dựng NTM của xã bắt buộc phải được người dân, cộng đồng và các đối tượng có liên quan khác tham gia, đóng góp ý kiến. Quy trình lấy ý kiến của cộng đồng nhân dân như sau:

Sau khi Ban quản lý xã dự thảo xong đề án (bao gồm cả danh mục các công trình, dự án và kế hoạch tổng thể thực hiện), bản dự thảo đề án được công bố công khai tại trụ sở UBND xã và được chuyển cho các trưởng thôn để chủ trì tổ chức họp với tất cả các hộ dân trong thôn, có sự tham gia của các đoàn thể xã hội để thảo luận lấy ý kiến đóng góp. Các ý kiến đóng góp của nhân dân được ghi thành biên bản và được chuyển tới Ban quản lý xã và Hội đồng Nhân dân xã. Trong vòng 15 ngày sau khi bản dự thảo đề án được công bố công khai và sau khi đã họp lấy ý kiến nhân dân, Hội đồng Nhân dân xã tổ chức cuộc họp nghe ý kiến đại diện các thôn, ý kiến giải trình, tiếp thu của Ban quản lý xã, trên cơ sở đó ban hành Nghị quyết thông qua đề án hoặc yêu cầu Ban quản lý xã chỉnh sửa một số nội dung cho phù hợp.

3. Sau khi hoàn chỉnh, trình đề án xây dựng NTM của xã lên UBND huyện thẩm định và phê duyệt *(nội dung, mẫu biểu tham khảo Sổ tay hướng dẫn xây dựng NTM của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).*

Đề án xây dựng NTM sau khi được UBND huyện phê duyệt phải được công bố công khai cho nhân dân trong xã biết để thực hiện.

Điều 9. Quy trình lập kế hoạch đầu tư thực hiện đề án xây dựng NTM

1. Xây dựng kế hoạch:

a) Quy trình xây dựng kế hoạch thực hiện đề án cho năm tới của xã được thực hiện như quy trình lấy ý kiến của cộng đồng nhân dân về đề án quy định tại Khoản 2, Điều 8. Danh mục công trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư phải có trong danh mục công trình, dự án của đề án xây dựng NTM của xã;

b) Sau khi được Hội đồng Nhân dân xã thông qua, Ban quản lý xã gửi kế hoạch của xã cho UBND huyện để tổng hợp, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch chung toàn huyện, gửi cho UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình toàn tỉnh và gửi cho các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính và Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, làm căn cứ bố trí vốn;

c)[6] Căn cứ nguồn vốn phân bổ chương trình mục tiêu từ ngân sách Trung ương và cân đối nguồn vốn bố trí từ ngân sách địa phương cho Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính xây dựng phương án phân bổ, lồng ghép các nguồn vốn xây dựng nông thôn mới để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

2. Kế hoạch phân bổ vốn:

a) Sau khi dự toán ngân sách năm được Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ thông qua. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp thông báo tổng mức vốn cho các địa phương;

b) Hội đồng Nhân dân tỉnh quyết định phương án phân bổ vốn. UBND tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập kế hoạch phân bổ vốn và thông báo cho các huyện;

c) UBND huyện tập hợp các nguồn vốn được phân bổ (vốn của Chương trình, vốn ngân sách tỉnh, vốn ngân sách huyện, vốn từ các chương trình/dự án lồng ghép) và vốn tự huy động, phân bổ vốn cho từng xã;

d) UBND xã chỉ đạo Ban quản lý NTM xã phân bổ vốn cho từng công trình, trình Hội đồng nhân dân xã thông qua;

e) Khung thời gian xây dựng kế hoạch NTM nên phù hợp với khung thời gian xây dựng kế hoạch kinh tế xã hội (hàng năm và 5 năm);

g)[7] Việc phân bổ các nguồn vốn được thực hiện cho cả giai đoạn và cho từng năm, sau khi có thông báo từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

---

[6] Điểm này được bổ sung theo quy định tại Khoản 5, Điều 1 Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2014

[7] Điểm này được bổ sung theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2014

Điều 10. Dự án phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

1. Mục tiêu của dự án: Đạt yêu cầu tiêu chí số 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 17 trong Bộ tiêu chí quốc gia NTM.

2. Đối tượng đầu tư: Công trình đầu tư tại xã, bao gồm việc làm mới, sửa chữa, cải tạo nâng cấp các công trình trên địa bàn xã để đạt chuẩn theo bộ tiêu chí quốc gia NTM.

3. Nội dung thực hiện:

a) Hoàn thiện đường giao thông đến trụ sở UBND xã và hệ thống giao thông trên địa bàn xã;

b) Cải tạo, xây mới hệ thống thủy lợi, công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn xã;

c) Hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã.

d) Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao trên địa bàn xã;

e) Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về y tế trên địa bàn xã;

g) Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về giáo dục trên địa bàn xã;

h) Hoàn chỉnh trụ sở xã và các công trình phụ trợ.

Các nội dung trên cần làm rõ: Thời gian, đối tượng, phạm vi thực hiện tiến độ và địa bàn triển khai; cơ quan quản lý dự án, cơ quan thực hiện, cơ quan phối hợp; các giải pháp lớn thực hiện dự án; nhu cầu tổng mức vốn và cơ cấu nguồn vốn; quy định về sử dụng, bảo trì các công trình.

4. Lập, thẩm định và phê duyệt dự án:

Ban quản lý NTM xã có trách nhiệm lập, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định của pháp luật.

5. Cấp quyết định đầu tư, chủ đầu tư:

a) Cấp quyết định đầu tư

- UBND huyện là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo KTKT các công trình được ngân sách nhà nước hỗ trợ trên 03 tỷ đồng trong tổng giá trị của công trình.

- UBND xã là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo KTKT các công trình được ngân sách nhà nước hỗ trợ đến 03 tỷ đồng trong tổng giá trị của công trình.

b) Chủ đầu tư

Chủ đầu tư các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã như quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 4 của Thông tư liên tịch này.

6. Căn cứ xác định mức hỗ trợ: Mức hỗ trợ của ngân sách trung ương được căn cứ vào tổng mức đầu tư hoặc dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt; khi lập phải đúng theo quy định của cấp có thẩm quyền như: Tiêu chuẩn kỹ thuật, thiết kế, định mức, đơn giá của từng loại công trình.

Khuyến khích người dân, cộng đồng tự nguyện hiến đất để xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã. Hạn chế việc sử dụng ngân sách nhà nước đền bù giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã.

7. Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng công trình:

a) Lập báo cáo KTKT xây dựng công trình:

- Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại các xã, thôn có thời gian thực hiện dưới 2 năm hoặc giá trị công trình đến 03 tỷ đồng, chủ đầu tư tự lập báo cáo KTKT (trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực mới thuê đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân thực hiện). Nội dung báo cáo KTKT xây dựng công trình bao gồm: Tên công trình, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, quy mô kỹ thuật công trình, thời gian thi công, thời gian hoàn thành, nguồn vốn đầu tư và cơ chế huy động nguồn vốn kèm theo thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán.

- Đối với các công trình có giá trị trên 03 tỷ đồng thì việc lập báo cáo KTKT, thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán phải do đơn vị có tư cách pháp nhân thực hiện.

- Kinh phí lập báo cáo KTKT được bố trí trong kế hoạch năm từ nguồn vốn ngân sách đầu tư cho công trình, dự án thuộc Chương trình xây dựng NTM.

- Đối với các công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản: Các địa phương được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù, không phải lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật trên cơ sở thiết kế mẫu, thiết kế điển hình chỉ cần lập dự toán đơn giản và chỉ định cho người dân và cộng đồng trong xã tự làm. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định danh mục công trình được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù nêu trên[8].

---

[8] Đoạn từ "Đối với các công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản: Các địa phương được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù, không phải lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật trên cơ sở thiết kế mẫu, thiết kế điển hình chỉ cần lập dự toán đơn giản và chỉ định cho người dân và cộng đồng trong xã tự làm. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định danh mục công trình được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù nêu trên" được bổ sung theo quy định tại Khoản 7, Điều 1 Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2014

- Việc quản lý đầu tư xây dựng công trình theo cơ chế này được thực hiện theo Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT ngày 07 tháng 8 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)[9].

b) Thẩm định, phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng công trình:

- Người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định trước khi quyết định phê duyệt báo cáo KTKT dự án đầu tư.

+ Đối với dự án do huyện quyết định đầu tư, UBND huyện giao cơ quan chuyên môn tổ chức thẩm định báo cáo KTKT.

+ Đối với những công trình do UBND xã quyết định đầu tư: UBND xã tổ chức thẩm định báo cáo KTKT, các cơ quan chuyên môn của huyện có trách nhiệm hỗ trợ UBND xã trong quá trình thẩm định báo cáo KTKT.

- Thời gian thẩm định báo cáo KTKT dự án: Không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các công trình thuộc đối tượng do UBND huyện quyết định đầu tư và không quá 07 ngày làm việc đối với các công trình do UBND xã quyết định đầu tư.

- Hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt báo cáo KTKT:

+ Tờ trình xin phê duyệt dự án của Ban quản lý xã gồm các nội dung: Tên dự án, chủ đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô và địa điểm xây dựng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư, phương án huy động vốn đầu tư, thời gian khởi công và hoàn thành, các nội dung khác (nếu thấy cần giải trình);

+ Báo cáo KTKT, thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán.

Trong quá trình chuẩn bị đầu tư chủ đầu tư, đơn vị tư vấn cần tiến hành lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư về báo cáo KTKT, thiết kế, bản vẽ thi công và

---

[9] Đoạn từ "Việc quản lý đầu tư xây dựng công trình theo cơ chế này được thực hiện theo Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT ngày 07 tháng 8 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)" được bổ sung theo quy định tại Khoản 7, Điều 1 Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2014

dự toán các công trình cơ sở hạ tầng. Ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư phải được tổng hợp ghi thành biên bản là tài liệu bắt buộc trong hồ sơ trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo KTKT, thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán các công trình cơ sở hạ tầng.

8. Lựa chọn nhà thầu và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu:

a) Các hình thức lựa chọn: Việc lựa chọn nhà thầu xây dựng cơ sở hạ tầng các xã thực hiện theo 3 hình thức:

- Giao các cộng đồng dân cư thôn (những người hưởng lợi trực tiếp từ Chương trình) tự thực hiện xây dựng;

- Lựa chọn nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực để xây dựng;

- Lựa chọn nhà thầu thông qua hình thức đấu thầu (theo quy định hiện hành).

Khuyến khích thực hiện hình thức giao cộng đồng dân cư hưởng trực tiếp từ công trình, nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực thực hiện xây dựng.

b) Cách thức lựa chọn:

- Đối với hình thức giao cho cộng đồng dân cư thôn (những người hưởng lợi trực tiếp từ Chương trình) tự thực hiện xây dựng:

+ Chủ đầu tư niêm yết thông báo công khai tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa thôn, chợ, họp dân cư và thông tin trên trạm truyền thanh của xã;

+ Trường hợp có nhiều nhóm cộng đồng cùng đăng ký tham gia thì chủ đầu tư tổ chức họp các nhóm đã đăng ký để công khai lựa chọn, dựa vào các tiêu chí giá cả, tiến độ và chất lượng để phê duyệt kết quả đấu thầu; thành phần mời tham gia họp gồm: Đại diện UBND xã, các đoàn thể xã hội, ban giám sát cộng đồng, trưởng thôn, đại diện cộng đồng dân cư tham gia dự thầu; nếu hết thời hạn thông báo (do chủ đầu tư quy định) chỉ có 01 nhóm cộng đồng tham gia thì chủ đầu tư giao cho nhóm đó thực hiện. Trường hợp không có nhóm cộng đồng tham gia thì chủ đầu tư lựa chọn một nhà thầu phù hợp để đàm phán, ký hợp đồng thực hiện.

- Đối với hình thức lựa chọn nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực để xây dựng:

+ Chủ đầu tư thông báo mời thầu trên hệ thống truyền thanh của xã, niêm yết tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa xã, đồng thời phổ biến cho các trưởng thôn để thông báo cho người dân được biết.

+ Chủ đầu tư (có đại diện các cộng đồng dân cư trong xã) xây dựng hồ sơ mời thầu bao gồm các tiêu chuẩn đánh giá, tiêu chí để lựa chọn nhà thầu trình UBND xã phê duyệt. Tiêu chuẩn đánh giá phải phù hợp với yêu cầu tính chất của từng công trình cũng như điều kiện cụ thể của xã và thôn.

+ Các nhóm thợ, cá nhân có tối thiểu 10 ngày để chuẩn bị hồ sơ dự thầu gửi chủ đầu tư.

+ Sau khi hết hạn nhận hồ sơ dự thầu, chủ đầu tư tổ chức mở thầu đánh giá, lựa chọn nhóm thợ/ tổ chức/cá nhân thi công. Thành phần mời tham gia đánh giá: Đại diện UBND xã, các tổ chức đoàn thể xã hội, ban giám sát cộng đồng, trưởng thôn, đại diện nhóm thợ/cá nhân tham gia dự thầu sẽ xây dựng công trình.

Trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá đã được UBND xã phê duyệt, các đại diện tham gia họp để đánh giá và bỏ phiếu bầu chọn nhóm thợ, cá nhân có đủ năng lực để thi công. Kết quả cuộc họp được thư ký ghi vào biên bản họp, có chữ ký của các thành phần tham dự và trình UBND xã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

+ Trong trường hợp nếu hết thời hạn quy định mà chỉ có một nhóm thợ/tổ chức/cá nhân tham gia dự thầu thì chủ đầu tư đàm phán và ký kết hợp đồng với nhóm thợ/tổ chức/cá nhân đó.

- Đối với hình thức lựa chọn nhà thầu thông qua hình thức đấu thầu thực hiện theo quy định hiện hành.

c) Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng: Chủ tịch UBND xã phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị thi công các gói thầu đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên cơ sở đề nghị của Ban quản lý xã.

9. Giám sát hoạt động xây dựng:

a) Tổ chức giám sát thi công công trình xây dựng bao gồm: Chủ đầu tư, tư vấn giám sát, giám sát tác giả và ban giám sát cộng đồng. Chủ đầu tư lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ năng lực giám sát thi công. Trường hợp không có tổ chức tư vấn giám sát thi công theo quy định, tùy theo điều kiện cụ thể, chủ đầu tư tổ chức thực hiện giám sát thi công và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

b) Giám sát cộng đồng thực hiện theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế giám sát cộng đồng và Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTƯMTTQVN-TC ngày 04 tháng 12 năm 2006 của liên Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

10. Nghiệm thu, bàn giao, quản lý khai thác công trình:

a) Nghiệm thu công trình: Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình hoàn thành, thành phần nghiệm thu gồm: Đại diện ban quản lý xã; đại diện các đơn vị: Tư vấn thiết kế, thi công xây dựng, tư vấn giám sát; đại diện giám sát của chủ đầu tư, đại diện ban giám sát của xã và đại diện tổ chức, cá nhân quản lý sử dụng công trình;

b) Bàn giao quản lý, khai thác công trình: Sau khi nghiệm thu, chủ đầu tư phải bàn giao công trình và bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công trình cho UBND xã để giao cho thôn, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm quản lý sử dụng, bảo trì.

Điều 11. Phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn[10]

1. Mục tiêu: Đạt yêu cầu về thu nhập và lao động có việc làm thường xuyên trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

2. Đối tượng hỗ trợ:

a) Cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại (bao gồm cả chủ gia trại);

b) Tổ chức: Hợp tác xã, tổ hợp tác.

3. Xây dựng các hoạt động (nội dung) và định mức hỗ trợ:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập danh mục các hoạt động được hỗ trợ để phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn trên địa bàn xã phù hợp với tình hình của địa phương. Các hoạt động hỗ trợ bao gồm: Mở lớp tập huấn; hỗ trợ đầu tư xây dựng mô hình sản xuất và tổ chức hội thảo nhân rộng; hỗ trợ lãi suất vốn vay; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi; vật tư, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón; hỗ trợ mua máy móc, thiết bị gieo trồng, chăn nuôi, thu hoạch, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, diêm nghiệp, chế biến nông, lâm thủy sản, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ nông thôn;

b) Trên cơ sở tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách nhà nước của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng các định mức hỗ trợ cho các hoạt động về phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn trên địa bàn xã để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt cho cả giai đoạn;

c) Căn cứ xây dựng các hoạt động và định mức hỗ trợ cho các hoạt động về phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn là các quy định đang được triển khai trên địa bàn tỉnh như các chương trình khuyến nông, khuyến công, giảm nghèo, chương trình 135 giai đoạn III, Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ...".

---

[10] Điều này được sửa đổi và Khoản 6 của Điều này được bổ sung theo quy định tại Khoản 8, Điều 1 Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2014

4. Quy trình lập, phê duyệt kế hoạch đầu tư:

a) Căn cứ vào Quy hoạch và Đề án xây dựng nông thôn mới, Ban quản lý xã phối hợp với Ban Phát triển thôn và Trưởng thôn tổ chức họp dân (họp thôn hoặc liên thôn) thông báo nội dung, đối tượng thụ hưởng, mức vốn hỗ trợ, các thông tin thị trường, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã để các hộ và tổ chức lựa chọn các lĩnh vực cần phát triển và các nội dung cần hỗ trợ.

Ban Quản lý xã thống nhất với người dân lựa chọn một số sản phẩm, dịch vụ chủ lực để tập trung hỗ trợ và các nội dung cần hỗ trợ trình UBND xã xem xét, lựa chọn. Các sản phẩm hoặc dịch vụ được lựa chọn phải phù hợp, thiết thực với xã, có định hướng rõ về thị trường. Nội dung hỗ trợ tập trung vào những khâu, công đoạn tạo được sự cải thiện mạnh về hiệu quả, chất lượng, làm tăng giá trị, lợi nhuận từ sản phẩm, dịch vụ;

b) Trên cơ sở tổng hợp các nội dung cần hỗ trợ trên địa bàn xã, Ban quản lý xã lập kế hoạch thực hiện và dự toán chi tiết kèm theo và kế hoạch hàng năm, 5 năm báo cáo Ủy ban nhân dân xã để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp kế hoạch hàng năm, 5 năm của các xã, tổ chức thẩm định, phê duyệt và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hàng năm, căn cứ nguồn vốn Trung ương giao và nguồn vốn địa phương, phân bổ vốn cho các huyện, xã; ưu tiên hỗ trợ cho những xã làm tốt, những xã có điều kiện khó khăn (không nhất thiết phân bổ đều, cào bằng);

e) Ban Quản lý xã căn cứ vào nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ hàng năm và các nguồn vốn khác để tổ chức triển khai thực hiện theo kế hoạch và theo thứ tự ưu tiên.

5. Quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí: thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

6. Quy trình triển khai bao gồm 2 giai đoạn

a) Giai đoạn chuẩn bị và lập kế hoạch

Bước 1. Xây dựng định hướng phát triển: Xác định được định hướng phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn của xã gắn với việc tái cơ cấu ngành nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu sản xuất trên địa bàn xã trong giai đoạn đến năm 2015 và đến năm 2020.

Bước 2. Cung cấp thông tin cho người dân: Cung cấp thông tin về định hướng, cơ chế, chính sách, kế hoạch, quy trình triển khai việc phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn cho toàn bộ người dân trong xã biết để tham gia.

Bước 3. Xây dựng đề xuất: Người dân xây dựng các đề xuất phát triển để Ban quản lý xã xem xét, lựa chọn.

Bước 4. Đánh giá và lựa chọn đề xuất của người dân: Ban Quản lý xã đánh giá và lựa chọn các đề xuất của người dân, báo cáo Ủy ban nhân dân xã.

Bước 5. Phê duyệt đề xuất và lập kế hoạch: Ủy ban nhân dân xã đề nghị Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt danh mục các đề xuất của người dân. Sau khi các đề xuất được phê duyệt, Ban Quản lý xã thông báo đến người dân, lập kế hoạch tổ chức thực hiện.

b) Giai đoạn 2. Tổ chức thực hiện

Bước 6. Thương thảo, ký kết hợp đồng: Ban Quản lý xã thống nhất thương thảo và ký hợp đồng thực hiện với người dân.

Bước 7. Triển khai thực hiện: Người dân triển khai thực hiện theo đề xuất đã được phê duyệt.

Bước 8. Tạm ứng, thanh toán và quyết toán: Ban Quản lý xã hỗ trợ người dân thực hiện việc tạm ứng, thanh toán và quyết toán phần kinh phí hỗ trợ theo các quy định hiện hành.

Bước 9. Giám sát, đánh giá và báo cáo: Ban quản lý xã phối hợp với Ban Phát triển thôn thực hiện nhiệm vụ giám sát, kết hợp với các biện pháp như giám sát cộng đồng trong suốt quá trình thực hiện các đề xuất được hỗ trợ theo các nội dung như số lượng, chất lượng, đầu vào, đầu ra, kết quả của dự án, đối tượng, kinh phí, tiến độ thực hiện các đề xuất; Lập báo cáo theo dõi tiến độ và đánh giá kết quả thực hiện hàng quý, hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân xã.

Điều 12. Dự án Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn

1. Mục tiêu của Dự án: Đạt yêu cầu tiêu chí số 13 của Bộ tiêu chí quốc gia NTM, với mục tiêu cụ thể như sau:

a) Phát triển các HTX, tổ hợp tác (tập trung vào các HTX, tổ hợp tác trong nông nghiệp), trang trại, liên kết kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn.

b) Nâng cao năng lực tổ chức, quản lý, hoạt động của các HTX nông nghiệp, tổ hợp tác trong nông nghiệp, chủ trang trại và tăng cường hiệu quả các liên kết kinh tế giữa nông dân với các doanh nghiệp và các thành phần kinh tế khác trong nông thôn.

2. Nội dung thực hiện:

a) Tổ chức tập huấn, đào tạo hàng năm cho cán bộ chuyên môn của các Chi cục Phát triển nông thôn, phòng Nông nghiệp huyện, cán bộ chủ chốt của HTX, tổ hợp tác, chủ trang trại sản xuất nông nghiệp để:

- Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về HTX, tổ hợp tác, trang trại, liên kết kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn.

- Nâng cao năng lực cho bộ máy quản lý nhà nước đối với HTX, tổ hợp tác, kinh tế trang trại (xây dựng cơ sở dữ liệu, phát triển hệ thống máy tính nối mạng cho các trang trại, HTX, củng cố bộ máy quản lý nhà nước,...), để cập nhật kiến thức mới về quản lý, thị trường, chính sách đối với kinh tế tập thể và trang trại.

b) Xây dựng tài liệu tập huấn, đào tạo:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì xây dựng chương trình, tài liệu tập huấn về HTX, tổ hợp tác, trang trại và tổ chức tập huấn cho giáo viên, cán bộ Chi cục Phát triển nông thôn các tỉnh; tổ chức xây dựng các mô hình điểm về trang trại, tổ hợp tác, HTX, liên kết kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn đại diện cho các vùng và ngành hàng; tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu về HTX, tổ hợp tác và trang trại và các hoạt động tăng cường năng lực quản lý nhà nước khác.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức tập huấn cho cán bộ các HTX, tổ hợp tác, chủ trang trại của tỉnh; tổ chức xây dựng các mô hình trang trại, tổ hợp tác, HTX, liên kết kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn;

c) Hỗ trợ thành lập mới HTX, tổ hợp tác: Mức hỗ trợ thành lập mới HTX, tổ hợp tác, kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình cán bộ quản lý HTX, tổ hợp tác và chủ trang trại thực hiện theo Thông tư số 66/2006/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về chế độ tài chính hỗ trợ các sáng lập viên HTX chuẩn bị thành lập, các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của HTX; Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn có liên quan (nếu có);

d) Hỗ trợ xây dựng các mô hình tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh, mô hình liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ, chế biến nông sản.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, chỉ đạo các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng thử nghiệm một số mô hình để xác định mức hỗ trợ kinh phí và chế độ quản lý phù hợp. Mức, nội dung hỗ trợ xây dựng mô hình kinh tế tập thể bao gồm:

+ Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, thực hiện theo Điều 13 Thông tư này;

+ Chi hội nghị hội thảo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính;

+ Chi hỗ trợ xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế; mua sắm máy móc, thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ phát triển sản xuất thực hiện theo quy định tại Điều 10, 11 của Thông tư này.

4. Quy trình lập, phê duyệt kế hoạch:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì xây dựng kế hoạch các hoạt động trình UBND tỉnh phê duyệt. Kinh phí thực hiện bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước;

b) Đối với cấp xã:

- Ban quản lý xã có trách nhiệm thông báo nội dung, đối tượng thụ hưởng, mức vốn hỗ trợ của Chương trình xây dựng NTM để thảo luận, bàn bạc và xác định nội dung cần hỗ trợ đầu tư.

- Hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn đề xuất kế hoạch, dự toán xin hỗ trợ gửi Ban quản lý xã để tổng hợp. Đối với các trang trại, hộ gia đình đề xuất hỗ trợ thông qua trưởng thôn. Trưởng thôn có trách nhiệm tập hợp và gửi Ban quản lý xã để tổng hợp.

- Ban quản lý xã tổng hợp kế hoạch chung của xã trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 13. Dự án Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ xây dựng NTM

1. Mục tiêu:

a) Nâng cao kiến thức, năng lực quản lý, tổ chức điều hành, thực thi công trình xây dựng NTM cho đội ngũ cán bộ liên quan ở trung ương, tỉnh, thành phố (gọi tắt là cấp tỉnh); huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi tắt là cấp huyện), xã và thôn đáp ứng yêu cầu của Chương trình;

b) Mục tiêu cụ thể: Đến năm 2012 có 100% cán bộ thuộc đối tượng được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cơ bản về xây dựng NTM. Các năm sau chỉ đào tạo bổ sung hoặc nâng cao.

2. Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng:

a) Cán bộ xây dựng NTM ở trung ương, bao gồm: Cán bộ từ cấp vụ, cục trở xuống đang làm việc trong các Bộ, ngành có liên quan được giao nhiệm vụ thực hiện các nội dung của Chương trình xây dựng NTM, cán bộ Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM;

b) Cán bộ xây dựng NTM ở cấp tỉnh bao gồm: Cán bộ của các sở, ngành có liên quan được giao nhiệm vụ thực hiện các nội dung của Chương trình xây dựng NTM, thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng NTM của tỉnh, cán bộ Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM ở cấp tỉnh;

c) Cán bộ xây dựng NTM ở cấp huyện, bao gồm: Cán bộ của các phòng, ban có liên quan được giao nhiệm vụ thực hiện các nội dung của Chương trình xây dựng NTM, thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng NTM của huyện;

d) Cấp xã: Toàn bộ cán bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể cấp xã, thôn và thành viên các ban phát triển thôn, lãnh đạo các doanh nghiệp, HTX, chủ trang trại trên địa bàn xã.

3. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng cho từng đối tượng:

a) Cán bộ xây dựng NTM ở trung ương và cấp tỉnh:

- Các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng NTM;

- Nội dung xây dựng NTM theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

- Chính sách và kinh nghiệm của một số quốc gia đã thành công về phát triển nông thôn;

- Nguyên tắc, phương pháp, cơ chế vận hành trong xây dựng NTM;

- Phương pháp chỉ đạo, điều hành, quản lý Chương trình xây dựng NTM trên phạm vi cả nước và từng tỉnh;

- Tham quan các mô hình thực tiễn về phát triển nông thôn trong và ngoài nước.

b) Cán bộ xây dựng NTM ở cấp huyện và xã:

- Các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng NTM;

- Nội dung xây dựng NTM theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

- Chính sách và kinh nghiệm của một số quốc gia đã thành công về phát triển nông thôn;

- Nguyên tắc, phương pháp, cơ chế vận hành trong xây dựng NTM (nguyên tắc chỉ đạo, cơ chế tài chính, nguyên tắc và cơ chế huy động nguồn lực, cơ chế quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản và vốn sự nghiệp trong Chương trình xây dựng NTM);

- Trình tự, nội dung các bước tiến hành xây dựng NTM ở cấp xã;

- Kỹ năng, phương pháp chỉ đạo xây dựng NTM;

- Phát triển kinh tế và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn;

- Quy chế dân chủ ở cơ sở và sự tham gia của cộng đồng trong việc tham gia thực hiện Chương trình xây dựng NTM: Tổ chức họp dân, tổng hợp ý kiến, lập kế hoạch, giám sát đầu tư; cơ chế giám sát cộng đồng;

- Kỹ năng về tuyên truyền, vận động người dân và cộng đồng tham gia xây dựng NTM;

- Tham quan, nghiên cứu thực địa các mô hình xây dựng NTM trong nước.

4. Thời gian, hình thức đào tạo, bồi dưỡng:

a) Hình thức đào tạo, bồi dưỡng:

- Mở lớp tập trung;

- Hướng dẫn, tư vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- Tham quan học tập các mô hình, điển hình thực tiễn.

b) Thời gian đào tạo, bồi dưỡng theo lớp tập trung:

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM ở trung ương và cấp tỉnh: Thời gian cho một lớp tối đa không quá 07 ngày phù hợp với từng loại đối tượng và nội dung lớp bồi dưỡng.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ huyện xã, cán bộ thôn, chủ trang trại và doanh nghiệp thời gian cho một lớp tối đa không quá 10 ngày (riêng đối với Ban quản lý xã nếu xét thấy cần thiết có thể tập huấn bồi dưỡng thêm, thời gian tùy theo nội dung, yêu cầu thực tế tại địa phương).

5. Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng: Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp các Bộ, ngành liên quan và Ban Chỉ đạo các tỉnh, thành phố thống nhất biên soạn và xuất bản (Ban Chỉ đạo tỉnh có thể bổ sung thêm những nội dung theo điều kiện đặc thù của địa phương).

6. Lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng:

a) Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trung ương, tỉnh: Căn cứ vào các vấn đề ưu tiên trong quá trình triển khai chương trình, Văn phòng Điều phối trung ương đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và thống kê đối tượng cần đào tạo, bồi dưỡng ở từng cấp; phối hợp với cơ quan chuyên quản của Bộ Tài chính xây dựng dự toán kinh phí, trình Ban Chỉ đạo trung ương quyết định;

b) Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ huyện, xã: Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo các xã, huyện đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và thống kê đối tượng cần đào tạo, bồi dưỡng ở từng cấp kèm theo dự toán kinh phí. Văn phòng Điều phối cấp tỉnh tổng hợp kinh phí để cân đối với khả năng ngân sách chuyển Sở Kế hoạch, Sở Tài chính thẩm định, trình Ban Chỉ đạo tỉnh phê duyệt kế hoạch và chỉ đạo thực hiện, trong đó làm rõ trách nhiệm tổ chức thực hiện của tỉnh và huyện;

c) Kinh phí thực hiện dự án bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước, trong đó kinh phí đi tham quan, học tập trong và ngoài tỉnh tối đa không quá 20% tổng kinh phí kế hoạch vốn dự án đào tạo, tập huấn hàng năm.

Việc sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng của dự án thực hiện như sau:

- Chi in ấn các loại tài liệu đào tạo thực hiện theo quy định hiện hành;

- Chi biên soạn chương trình, giáo trình: Mức chi áp dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 112/2010/TTLT-BTC-LĐTBXH ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020";

- Chi trả thù lao cho giảng viên, chuyên gia nước ngoài (nếu có) theo mức quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách của nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

- Chi hỗ trợ tiền ăn, ngủ, đi lại, văn phòng phẩm, nước uống và các khoản chi khác cho học viên, đại biểu trong thời gian đào tạo theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ mức chi tại các hướng dẫn của trung ương, UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện mức chi từng nội dung cho phù hợp với điều kiện của tỉnh.

Điều 14. Kiểm tra, giám sát đánh giá và báo cáo kết quả

1. Kiểm tra, giám sát, đánh giá:

a) Ban Chỉ đạo tỉnh chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện về chất lượng, tiến độ, hiệu quả Chương trình trên địa bàn tỉnh. Căn cứ mục tiêu của Chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020 và điều kiện thực tế của tỉnh, chỉ đạo Ban Chỉ đạo các huyện xây dựng các chỉ tiêu đạt được theo tiến độ từng năm, từng giai đoạn và kết thúc Chương trình để làm cơ sở giám sát đánh giá kết quả Chương trình trên địa bàn toàn tỉnh;

b) Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo các đơn vị, Ban Chỉ đạo các huyện thường xuyên tổ chức kiểm tra thực hiện Chương trình; tổng hợp, báo cáo kết quả đánh giá về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, các huyện, các đơn vị liên quan tạo điều kiện để Hội đồng Nhân dân các cấp địa phương, Mặt trận Tổ quốc và cơ quan đoàn thể xã hội các cấp, cộng đồng tham gia giám sát và phối hợp giám sát thực hiện Chương trình;

d) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì phối hợp các Bộ, ngành liên quan đề xuất kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hàng năm, giữa kỳ và khi kết thúc Chương trình;

- Phối hợp với Kiểm toán Nhà nước xây dựng kế hoạch kiểm toán thực hiện Chương trình hàng năm trình Chính phủ quyết định.

2. Chế độ báo cáo kết quả thực hiện:

a) Căn cứ chỉ số giám sát đánh giá kết quả thực hiện chương trình của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, Ban Chỉ đạo tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện thu thập báo cáo ở các cấp địa phương để tổng hợp báo cáo gửi Ban Chỉ đạo trung ương. Ban Chỉ đạo chương trình ở mỗi cấp địa phương phải có cán bộ chuyên trách về công tác báo cáo tổng hợp. Riêng số liệu giải ngân

vốn, trước khi gửi báo cáo, yêu cầu các chủ đầu tư phải đối chiếu số liệu có xác nhận của Kho bạc Nhà nước (KBNN) tại nơi mở tài khoản;

b) Báo cáo định kỳ hàng quý, năm thực hiện theo quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo Chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định;

c) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo trung ương theo kỳ 6 tháng và cả năm.

Chương 3
CƠ CHẾ QUẢN LÝ CÁC NGUỒN VỐN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Điều 15. Nguồn vốn thực hiện

1. Chương trình xây dựng NTM được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn:

a) Vốn ngân sách (Trung ương và địa phương), bao gồm:

- Vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu đang triển khai và sẽ tiếp tục triển khai trong những năm tiếp theo trên địa bàn;

- Vốn bố trí trực tiếp cho Chương trình để thực hiện các nội dung theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các địa phương chủ động sử dụng nguồn thu từ xổ số kiến thiết để đầu tư cho các công trình phúc lợi kinh tế - xã hội trên địa bàn xã theo quy định hiện hành[11].

b) Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ (nếu có): Để đầu tư các dự án, chương trình theo Nghị quyết của Quốc hội;

c) Nguồn vốn tín dụng, bao gồm: Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và vốn tín dụng thương mại;

d) Vốn đầu tư của doanh nghiệp;

---

[11] Đoạn từ "Các địa phương chủ động sử dụng nguồn thu từ xổ số kiến thiết để đầu tư cho các công trình phúc lợi kinh tế - xã hội trên địa bàn xã theo quy định hiện hành" được bổ sung theo quy định tại Khoản 9, Điều 1 Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2014

e) Các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân trong xã; vốn huy động từ cộng đồng (các khoản đóng góp tự nguyện và viện trợ không hoàn lại của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước);

g) Các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án trên địa bàn thực hiện lồng ghép trong Chương trình xây dựng NTM thực hiện theo các quy định tại các văn bản hướng dẫn thực hiện các chương trình này.

3. UBND tỉnh có trách nhiệm huy động nguồn lực của địa phương, của các đơn vị, tổ chức, các tầng lớp dân cư trong và ngoài tỉnh và lồng ghép các chương trình, dự án khác trên địa bàn để thực hiện.

4. Cơ chế huy động:

a) Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn, bao gồm: Các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu đang triển khai trên địa bàn nông thôn và tiếp tục triển khai trong những năm tiếp theo và vốn ngân sách hỗ trợ trực tiếp của Chương trình xây dựng NTM - bao gồm cả trái phiếu Chính phủ (nếu có);

b) Huy động tối đa nguồn lực của địa phương (tỉnh, huyện, xã) để tổ chức triển khai Chương trình. Hội đồng Nhân dân tỉnh quy định tăng tỷ lệ vốn thu được từ đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn xã (sau khi trừ đi chi phí) để lại cho ngân sách xã, ít nhất 70% thực hiện các nội dung xây dựng NTM, nhưng không vượt quá tổng mức vốn đầu tư theo đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp; doanh nghiệp được vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau đầu tư và được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật;

d)[12] Ủy ban nhân dân các cấp tùy theo từng nội dung, dự án, công trình, vận động người dân tham gia đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng của địa phương bằng các hình thức phù hợp, trên cơ sở phát huy dân chủ để người dân bàn bạc và tự nguyện

---

[12] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 10, Điều 1 Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2014

đóng góp. Ban quản lý xã tổng hợp mức đóng góp và đề nghị Hội đồng nhân dân xã thông qua làm căn cứ pháp lý để thực hiện.

Trong trường hợp xã tự tổ chức xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương, có trả thù lao cho người lao động, Ban quản lý xã ưu tiên bố trí hộ nghèo tham gia trực tiếp lao động và trả thù lao theo mức phù hợp với mức tiền công của thị trường lao động tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương. Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định mức thù lao cụ thể trình Hội đồng nhân dân xã phê duyệt. Đối với trường hợp hộ nghèo tự nguyện đóng góp bằng sức lao động trong xây dựng nông thôn mới thì không phải trả công lao động.

đ) Các khoản viện trợ không hoàn lại của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho các dự án đầu tư;

e) Các nguồn vốn tín dụng:

- Vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước được trung ương phân bổ cho các tỉnh, thành phố theo chương trình kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn và theo danh mục quy định tại Nghị định số 106/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế *(nếu có)*.

- Vốn tín dụng thương mại theo quy định tại Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn và Thông tư số 14/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 6 năm 2010 của ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

g) Huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Điều 16. Cơ chế quản lý

Việc quản lý các nguồn vốn được thực hiện như sau:

1. Các đối tượng mà ngân sách nhà nước hỗ trợ chiếm từ 50% vốn trở lên thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

2.[13] Đối với các hoạt động được ngân sách nhà nước hỗ trợ nếu kinh phí hỗ trợ dưới 50% vốn thì Ban quản lý xã thống nhất với nhà tài trợ (nếu có) quyết định cơ chế quản lý; Trường hợp Ban quản lý xã và nhà tài trợ (nếu có) thống nhất thực

---

[13] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 11, Điều 1 Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2014

hiện cơ chế riêng không theo cơ chế quản lý của Thông tư này thì chỉ quyết toán phần ngân sách nhà nước đã hỗ trợ.

Đối với đối tượng sử dụng vốn ODA thì thực hiện theo Hiệp định ký kết với đối tác cấp ODA.

3. Nguyên tắc lồng ghép:

a) Tất cả các công trình, dự án được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước triển khai trên địa bàn xã phải phù hợp với Bộ tiêu chí quốc gia về NTM;

b) Lồng ghép các nguồn vốn trên địa bàn để thực hiện một hoặc nhiều chương trình, dự án, chế độ, chính sách, nhiệm vụ chi;

c) Việc lồng ghép các nguồn vốn được thực hiện từ khâu lập, phân bổ, giao dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư phát triển, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả;

d) Trong quá trình thực hiện lồng ghép các nguồn vốn phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi mục tiêu, tổng mức vốn đầu tư phát triển, tổng mức kinh phí sự nghiệp được giao.

Điều 17. Phân bổ và sử dụng nguồn vốn đầu tư

1. Phân bổ nguồn vốn các dự án, chính sách:

a) Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý vốn ngân sách thực hiện theo Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

b) Nguyên tắc phân bổ:

- Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ các tỉnh được căn cứ vào khả năng của ngân sách trung ương và phân bổ theo định mức số xã, mức độ khó khăn của các tỉnh và ưu tiên các địa phương làm tốt. Căn cứ mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, các tỉnh phân bổ cho từng xã theo mức độ hoàn thành Bộ tiêu chí quốc gia NTM, không bình quân chia đều.

- Đối với các địa phương ngân sách trung ương không hỗ trợ hoặc hỗ trợ một phần, phải bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương hàng năm và cả giai đoạn để thực hiện đề án theo tiến độ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2[14]. Sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước

---

[14] Khoản này bao gồm tên và Điểm a được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 12, Điều 1 Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2014

a) Nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn từ ngân sách nhà nước

- Nguồn vốn sự nghiệp: Ưu tiên hỗ trợ thực hiện công tác quy hoạch; xây dựng đề án xây dựng nông thôn mới cấp xã; tuyên truyền; hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp; đào tạo kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho cán bộ xã, thôn, hợp tác xã; phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn.

- Nguồn vốn đầu tư phát triển: Huy động, lồng ghép từ nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn để tập trung thực hiện các công trình: Đường giao thông đến trung tâm xã; xây dựng trụ sở xã; xây dựng trường học đạt chuẩn; xây dựng trạm y tế xã; xây dựng nhà văn hóa xã; công trình cấp nước sinh hoạt, thoát nước thải khu dân cư; đường giao thông thôn; giao thông nội đồng và kênh mương nội đồng; nhà văn hóa thôn; công trình thể thao thôn; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản.

- Đối với tất cả các xã, ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% cho các hoạt động thuộc 03 nội dung: Công tác quy hoạch; Xây dựng trụ sở xã và Đào tạo kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho cán bộ xã, cán bộ thôn bản, cán bộ hợp tác xã.

- Đối với các xã thuộc các huyện nghèo thuộc Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ, ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% cho các hoạt động thuộc 09 nội dung: Xây dựng đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông thôn, xóm; Xây dựng giao thông nội đồng và kênh mương nội đồng; Xây dựng trường học đạt chuẩn; Xây dựng trạm y tế xã; Xây dựng nhà văn hóa xã, thôn, bản; Xây dựng công trình thể thao thôn, bản; Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt, thoát nước thải khu dân cư; Phát triển sản xuất và dịch vụ; Xây dựng hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản. Đối với các xã còn lại, ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ một phần. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể, bảo đảm phù hợp với thực tế và yêu cầu hỗ trợ của từng địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định;

b) Đối với vật liệu xây dựng, giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa khác mua của dân để sử dụng vào các dự án của Chương trình xây dựng NTM thì giá cả phải phù hợp mặt bằng chung của thị trường trên địa bàn cùng thời điểm; chứng từ để thanh toán là giấy biên nhận mua bán với các hộ dân, có xác nhận của trưởng thôn nơi bán, được UBND xã xác nhận;

c) Kinh phí hoạt động của cơ quan chỉ đạo Chương trình các cấp ở địa phương được trích 1,0% nguồn ngân sách hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình để hỗ trợ chi

cho: Hoạt động kiểm tra, giám sát, tổ chức họp triển khai, sơ kết, tổng kết thực hiện chương trình, công tác phí cho cán bộ đi dự các hội nghị, tập huấn của trung ương, tỉnh, huyện và trang thiết bị văn phòng cho các hoạt động của Ban Chỉ đạo. UBND tỉnh phân bổ cụ thể kinh phí cho Ban Chỉ đạo các cấp ở địa phương. Căn cứ vào tình hình cụ thể và khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh có thể hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động cho cơ quan chỉ đạo Chương trình từ nguồn ngân sách địa phương;

d) Nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình xây dựng NTM từ ngân sách đều phải quản lý và thanh toán tập trung, thống nhất qua KBNN. Đối với các nguồn đóng góp bằng hiện vật và ngày công lao động hoặc công trình hoàn thành, căn cứ đơn giá hiện vật và giá trị ngày công lao động, cơ quan tài chính quy đổi ra đồng Việt Nam để làm lệnh thu ngân sách, đồng thời làm lệnh chi ngân sách gửi KBNN nơi giao dịch để hạch toán vào giá trị công trình, dự án và tổng hợp vào thu, chi ngân sách nhà nước;

e) Căn cứ dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương được cấp có thẩm quyền giao cho các tỉnh thuộc phạm vi chương trình; Bộ trưởng Bộ Tài chính chuyển vốn cho các địa phương theo quy định hiện hành.

3. Về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư:

a)[15] Quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư đối với các công trình do Ban quản lý xã làm chủ đầu tư: thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Đối với các công trình được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt để thực hiện theo quy định tại Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ thì hồ sơ, tài liệu cơ sở ban đầu của công trình được đầu tư là quyết định phê duyệt danh mục công trình được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù của UBND cấp huyện, dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền

---

[15] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 13, Điều 1 Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2014

(thay thế cho Dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật và quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền). Các hồ sơ, tài liệu cơ sở ban đầu còn lại của công trình đầu tư thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính.

- Đối với các công trình thực hiện theo hình thức "Ngân sách nhà nước hỗ trợ vật liệu xây dựng" và các hình thức hỗ trợ khác thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể việc quản lý, thanh toán, quyết toán phần vốn Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và của Nhà nước;

b) Quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư của Ban Quản lý xã: Thực hiện theo Thông tư số 72/2010/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế đặc thù về quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư tại 11 xã thực hiện Đề án "Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa" và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);

c) Quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án (công trình) khác thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính.

Chương 5
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm các Bộ

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực Chương trình xây dựng NTM, có nhiệm vụ giúp Ban Chỉ đạo trung ương chỉ đạo thực hiện Chương trình trên phạm vi cả nước:

a) Chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện Chương trình xây dựng NTM: Sổ tay, đề cương đánh giá thực trạng, đề cương xây dựng đề án xây dựng NTM cấp xã, hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia NTM, quy hoạch sản xuất…;

b) Chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm về mục tiêu, nhiệm vụ, các giải pháp và nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Chính phủ;

c) Đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chương trình của các Bộ, ngành, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo trung ương và Chính phủ.

2[16]. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ phương án phân bổ nguồn ngân sách trung ương cho các tỉnh cho cả thời kỳ trung hạn và hàng năm để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối vốn từ ngân sách đối với từng nhiệm vụ cụ thể của Chương trình xây dựng NTM theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 19. Trách nhiệm của UBND các cấp

1. UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Cụ thể hóa, hướng dẫn cho phù hợp với điều kiện đặc điểm của địa phương và chỉ đạo, kiểm tra giám sát, đôn đốc thực hiện;

b) Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Cơ quan thường trực chương trình. Cơ quan thường trực chương trình chủ trì phối hợp với các Sở, ngành của tỉnh tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý Chương trình và có nhiệm vụ:

- Thống nhất với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tỉnh, hướng dẫn các huyện lập kế hoạch hàng năm, tổng hợp kế hoạch vốn thực hiện Chương trình xây dựng NTM từng năm trên địa bàn báo cáo UBND tỉnh;

- Tổng hợp kế hoạch vốn thực hiện các dự án thuộc Chương trình về xây dựng NTM của các huyện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để thực hiện lồng ghép các nguồn vốn trên địa bàn;

- Trên cơ sở hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương; chủ trì phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu đề xuất UBND tỉnh ban hành hướng dẫn phù hợp với điều kiện ở địa phương;

- Thực hiện một số nội dung của dự án đầu tư, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ xây dựng nông thôn mới khi được UBND tỉnh giao.

- Giúp Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM của tỉnh tổ chức kiểm tra, theo dõi, đánh giá, tổng hợp báo cáo theo quy định của tỉnh và Ban Chỉ đạo Trung ương;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh phân công.

---

[16] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 14, Điều 1 Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2014

2. UBND các huyện, thị xã: Lãnh đạo Ban chỉ đạo xây dựng NTM cấp huyện hoàn thành các nhiệm vụ quy định tại Khoản 2, Điều 4 của Thông tư này.

3. UBND các xã: Lãnh đạo Ban quản lý xã, Ban Phát triển thôn hoàn thành các nhiệm vụ quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 4 của Thông tư này.

Chương 5
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[17]

Điều 20. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2011.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính nghiên cứu, giải quyết./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**
Số: 01/VBHN-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2014* **BỘ TRƯỞNG** **Cao Đức Phát**

[17] Điều 2 của Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2014, quy định như sau:

"Điều 2. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành".

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng